



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH
SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC
HƯNG YÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 31

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phát hành sách và Thiết bị trường học Hưng Yên công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Phát hành sách và Thiết bị trường học Hưng Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Phát hành sách và Thiết bị trường học Hưng Yên theo Quyết định số 478/QĐ-UB ngày 17/03/2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0503000110 ngày 29/07/2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã có 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/07/2015 với mã số doanh nghiệp là 0900106390), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 1021/QĐ-SGDHN ngày 22/12/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HST. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 29/12/2009.

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2016: 15.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 601 Nguyễn Văn Linh, Phường An Tảo, Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: (84) 321.3863892
- Fax: (84) 321.3864095
- Email: phs_hy@yahoo.com.vn
- Website: www.sachhungyen.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Dạy nghề;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê mặt bằng;
- Phát hành sách giáo khoa, sách các loại;
- Kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm;
- Tư vấn du học;
- Đầu tư xây dựng trường học;
- Kinh doanh siêu thị;
- Sản xuất các loại thiết bị trường học;
- In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn;



BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ;
- Đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
- Cho thuê văn phòng, nhà hàng, khách sạn;
- Vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Kinh doanh tua du lịch.

Nhân sự

Tổng số cán bộ công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 40 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 11 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|--------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Văn Luận | Chủ tịch | Trúng cử ngày 17/06/2015 |
| • Ông Nguyễn Thành Luân | Phó Chủ tịch | Trúng cử ngày 17/06/2015 |
| • Ông Vũ Thế Phương | Ủy viên | Trúng cử ngày 17/06/2015 |
| • Ông Đặng Minh Hải | Ủy viên | Trúng cử ngày 17/06/2015 |
| • Ông Đào Anh Sơn | Ủy viên | Trúng cử ngày 17/06/2015 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|-----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Trịnh Xuân Hiền | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 17/06/2015 |
| • Ông Phạm Văn Nhung | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/06/2015 |
| • Bà Bùi Thị Thùy | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 17/06/2015 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Thành Luân | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2015 |
| • Ông Vũ Thế Phương | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 01/07/2015 |
| • Ông Đặng Minh Hải | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/02/2016 |
| • Bà Đinh Thị Bích Dung | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 01/07/2015 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Văn Luận

Hưng Yên, ngày 04 tháng 08 năm 2016

11/2/01/2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 782/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phát hành sách và Thiết bị Trường học Hưng Yên

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, được lập ngày 14/07/2016 của Công ty Cổ phần Phát hành sách và Thiết bị Trường học Hưng Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

T.N.H.H
KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN
AAC

Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 08 năm 2016

1121

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.025.147.810	7.173.917.974
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		459.668.595	557.735.717
1. Tiền	111	5	459.668.595	557.735.717
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.038.261.177	6.082.561.937
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	16.196.627.626	5.395.750.918
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	54.500.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7.a	1.600.000.000	500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	268.198.371	158.875.839
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(26.564.820)	(26.564.820)
IV. Hàng tồn kho	140		3.527.218.038	533.620.320
1. Hàng tồn kho	141	10	3.527.218.038	533.620.320
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18.931.821.147	18.069.787.279
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.756.935.000	1.450.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	7.b	2.756.935.000	1.450.000.000
II. Tài sản cố định	220		4.147.291.916	4.444.319.216
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.147.291.916	4.444.319.216
- Nguyên giá	222		6.766.152.977	6.766.152.977
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.618.861.061)	(2.321.833.761)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		40.000.000	40.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.000.000)	(40.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	11.529.256.934	11.800.435.030
- Nguyên giá	231		13.884.100.451	13.884.100.451
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.354.843.517)	(2.083.665.421)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		498.337.297	323.117.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	498.337.297	323.117.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	51.916.033
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	51.916.033
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		40.956.968.957	25.243.705.253

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2016


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		24.159.988.608	8.923.254.177
I. Nợ ngắn hạn	310		24.078.497.698	8.760.272.358
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	15.710.024.654	1.959.707.310
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	45.275.135	14.729.731
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	488.469.409	254.903.243
4. Phải trả người lao động	314		72.683.100	35.974.200
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	144.723.067	148.339.422
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19.a	414.709.091	247.254.545
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	24.728.445	5.579.110
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	7.170.000.000	6.090.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.884.797	3.784.797
II. Nợ dài hạn	330		81.490.910	162.981.819
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19.b	81.490.910	162.981.819
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16.796.980.349	16.320.451.076
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	16.796.980.349	16.320.451.076
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	245.864.900	245.864.900
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	22	21.324.550	21.324.550
4. Cổ phiếu quỹ	415	22	(116.756.000)	(116.756.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	688.485.626	619.613.753
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	958.061.273	550.403.873
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		958.061.273	550.403.873
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		40.956.968.957	25.243.705.253

Chủ tịch Hội đồng quản trị


Nguyễn Văn Luận

Hưng Yên, ngày 14 tháng 07 năm 2016

Kế toán trưởng


Đinh Thị Bích Dung

Người lập biểu


Đinh Thị Bích Dung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	27.731.685.155	18.893.978.505
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	1.046.004.748	206.915.170
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		26.685.680.407	18.687.063.335
4. Giá vốn hàng bán	11	25	24.143.077.818	16.641.517.073
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>2.542.602.589</u>	<u>2.045.546.262</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	194.109.901	109.740.639
7. Chi phí tài chính	22	27	337.282.679	246.385.375
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		285.471.679	183.825.067
8. Chi phí bán hàng	25	28.a	98.793.880	133.435.200
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	1.653.275.258	1.276.681.848
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>647.360.673</u>	<u>498.784.478</u>
11. Thu nhập khác	31		-	40.987.499
12. Chi phí khác	32		279.265	170.562.546
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(279.265)</u>	<u>(129.575.047)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>647.081.408</u>	<u>369.209.431</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	135.552.135	76.102.752
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>511.529.273</u>	<u>293.106.679</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	344	197
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	344	197



Chủ tịch Hội đồng quản trị
Nguyễn Văn Luận

Hưng Yên, ngày 14 tháng 07 năm 2016

Kế toán trưởng

Đinh Thị Bích Dung

Người lập biểu

Đinh Thị Bích Dung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		16.001.312.740	11.969.392.396
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(13.794.730.573)	(12.258.656.578)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(549.979.375)	(704.058.444)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	18,27	(289.088.034)	(170.041.444)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17	-	(76.201.184)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		413.490.241	325.809.525
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(619.238.097)	(1.283.292.553)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.161.766.902	(2.197.048.282)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(25.493.025)	(402.628.776)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	7	(3.056.935.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	7	650.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8,26	92.594.001	88.124.845
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.339.834.024)	(314.503.931)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	21	6.900.000.000	5.585.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	21	(5.820.000.000)	(3.305.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.080.000.000	2.280.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(98.067.122)	(231.552.213)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	557.735.717	984.219.359
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	459.668.595	752.667.146

Chủ tịch Hội đồng quản trị
C.TY CỔ PHẦN
PHÁT HÀNH SÁCH
VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC
HƯNG YÊN
TP. HƯNG YÊN - TỈNH HƯNG YÊN
Nguyễn Văn Luận

Hưng Yên, ngày 14 tháng 07 năm 2016

Kế toán trưởng

Đinh Thị Bích Dung

Người lập biểu

Đinh Thị Bích Dung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Phát hành sách và Thiết bị trường học Hưng Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Phát hành sách và Thiết bị trường học Hưng Yên theo Quyết định số 478/QĐ-UB ngày 17/03/2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0503000110 ngày 29/07/2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã có 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/07/2015 với mã số doanh nghiệp là 0900106390), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2016: 15.000.000.000 đồng.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 1021/QĐ-SGDHN ngày 22/12/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HST. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 29/12/2009.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Phát hành sách các loại; giáo dục nghề nghiệp; cho thuê mặt bằng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Dạy nghề;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê mặt bằng;
- Phát hành sách giáo khoa, sách các loại;
- Kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm;
- Tư vấn du học;
- Đầu tư xây dựng trường học;
- Kinh doanh siêu thị;
- Sản xuất các loại thiết bị trường học;
- In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ;
- Đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
- Cho thuê văn phòng, nhà hàng, khách sạn;
- Vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Kinh doanh tua du lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 (bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 20
Phương tiện vận tải	10

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	Hết khấu hao

4.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	7 - 50

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm;

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty là chi phí lãi vay phải trả được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay.

4.12 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là khoản tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

11/11/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.15 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.18 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.19 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%;
 - ✓ Đối với các sản phẩm khác như tem, nhãn, mẫu biểu, một số thiết bị... áp dụng thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - ✓ Đối với hoạt động giáo dục – đào tạo của Trường THPT Ngô Quyền: Được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN trong 5 năm tiếp theo. Năm 2010, Công ty bắt đầu có thu nhập chịu thuế từ hoạt động của trường Ngô Quyền, do đó Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2010 đến năm 2013 và giảm 50% thuế TNDN từ năm 2014 đến năm 2018.

Những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp này được quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường và Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN.

- ✓ Đối với hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2016	01/01/2016
Tiền mặt	70.948.263	76.650.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	388.720.332	481.085.717
Cộng	459.668.595	557.735.717

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2016	01/01/2016
Nguyễn Thị Thu Hương - Yên Mỹ	4.334.272.942	2.502.146.740
Nguyễn Nam - Tiên Lữ	2.349.981.065	-
Trần Hiếu - Văn Lâm	1.556.298.225	-
Trần Vinh Huyền - Khoái Châu	1.119.887.436	-
Các đối tượng khác	6.836.187.958	2.893.604.178
Cộng	16.196.627.626	5.395.750.918

Trong đó, phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Hào Phong	Chung Giám đốc	120.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu về cho vay

a. Ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Bà Nguyễn Ngọc Hằng	-	500.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Hào Phong (*)	1.600.000.000	-
Cộng	1.600.000.000	500.000.000

(*) Cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Hào Phong vay theo hợp đồng số 01/2016/HĐCVV ngày 10/01/2016, hạn mức cho vay là 2.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ ngày 10/01/2016, lãi suất cho vay là 10%/năm. Thời hạn trả nợ gốc: do 2 bên thỏa thuận trong thời hạn hợp đồng. Nếu hết thời hạn cho vay, Công ty không có nhu cầu rút vốn coi như hợp đồng được tiếp tục thực hiện giữa 2 bên.

Trong đó, phải thu về cho vay ngắn hạn là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Hào Phong	Chung Giám đốc	1.600.000.000	-

b. Dài hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Ông Vũ Trọng Tuấn (**)	600.000.000	350.000.000
Hiệu sách nhân dân Yên Mỹ (***)	950.000.000	1.100.000.000
Bà Nguyễn Thị Hà (****)	1.206.935.000	-
Cộng	2.756.935.000	1.450.000.000

(**) Cho ông Vũ Trọng Tuấn vay theo hợp đồng số 05/2015/HĐCVV ngày 16/11/2015 và phụ lục hợp đồng ngày 05/04/2016, hạn mức cho vay là 800.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 3 năm kể từ ngày 16/11/2015, lãi suất cho vay: 12%/năm. Thời hạn trả nợ gốc: do 2 bên thỏa thuận trong thời hạn của hợp đồng. Nếu hết thời hạn cho vay, Công ty không có nhu cầu rút vốn coi như hợp đồng được tiếp tục thực hiện giữa 2 bên.

(***) Cho Hiệu sách nhân dân Yên Mỹ vay theo hợp đồng số 04/2015/HĐCVV ngày 23/07/2015, hạn mức cho vay là 1.200.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 2 năm kể từ ngày 23/07/2015, lãi suất cho vay: 12%/năm. Thời hạn trả nợ gốc: do 2 bên thỏa thuận trong thời hạn của hợp đồng. Nếu hết thời hạn cho vay, Công ty không có nhu cầu rút vốn coi như hợp đồng được tiếp tục thực hiện giữa 2 bên.

(****) Cho bà Nguyễn Thị Hà vay theo hợp đồng số 02/2016/HĐCVV ngày 10/06/2016, thời hạn cho vay là 2 năm kể từ ngày 01/07/2016, lãi suất cho vay: 10%/năm. Thời hạn trả nợ gốc: do bên vay chủ động trong thời hạn của hợp đồng. Nếu hết thời hạn cho vay, Công ty không có nhu cầu rút vốn coi như hợp đồng được tiếp tục thực hiện giữa 2 bên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	114.704.888	-	95.986.995	-
Phải thu về tiền điện, thuế...	-	-	2.171.141	-
Lãi cho vay phải thu	133.677.400	-	40.901.620	-
Phải thu khác	19.816.083	(12.009.520)	19.816.083	(12.009.520)
Cộng	268.198.371	(12.009.520)	158.875.839	(12.009.520)

Trong đó, phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Hào Phong	Chung Giám đốc	70.934.700	1.401.620

9. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	26.564.820	26.564.820
- Từ 3 năm trở lên	4.202.957	4.202.957
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	6.099.800	6.099.800
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	16.262.063	16.262.063
Cộng	26.564.820	26.564.820

b. Nợ xấu

	30/06/2016			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	25.625.600	11.070.300		
- Trường THPT DL Kim Động (Nguyễn Trãi)	8.714.000	2.614.200	2-3 năm	Quá hạn thanh toán
- Trường THPT Phạm Ngũ Lão	14.274.600	7.137.600	1-2 năm	Quá hạn thanh toán
- Các đối tượng khác	2.637.000	1.318.500	1-2 năm	Quá hạn thanh toán
Phải thu khác	19.816.083	7.806.563		
- Công ty TNHH MTV Thời Trang Kico	15.613.126	7.806.563	1-2 năm	Quá hạn thanh toán
- Nguyễn Quang Hưng	4.202.957	-	Trên 3 năm	Nhân viên đã nghỉ việc, không có khả năng thu hồi
Cộng	45.441.683	18.876.863		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	01/01/2016			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	25.625.600	11.070.300		
- Trường THPT DL Kim Động (Nguyễn Trãi)	8.714.000	2.614.200	2-3 năm	Quá hạn thanh toán
- Trường THPT Phạm Ngũ Lão	14.274.600	7.137.600	1-2 năm	Quá hạn thanh toán
- Các đối tượng khác	2.637.000	1.318.500	1-2 năm	Quá hạn thanh toán
Phải thu khác	19.816.083	7.806.563		
- Công ty TNHH MTV Thời Trang Kico	15.613.126	7.806.563	1-2 năm	Quá hạn thanh toán
- Nguyễn Quang Hưng	4.202.957	-	Trên 3 năm	Nhân viên đã nghỉ việc, không có khả năng thu hồi
Cộng	45.441.683	18.876.863		

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

10. Hàng tồn kho

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	3.527.218.038	-	533.620.320	-
Cộng	3.527.218.038	-	533.620.320	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2016.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	6.143.590.291	622.562.686	6.766.152.977
Tăng trong kỳ	-	-	-
T/lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	6.143.590.291	622.562.686	6.766.152.977
Khấu hao			
Số đầu kỳ	1.930.255.626	391.578.135	2.321.833.761
Khấu hao trong kỳ	273.537.345	23.489.955	297.027.300
T/lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	2.203.792.971	415.068.090	2.618.861.061
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	4.213.334.665	230.984.551	4.444.319.216
Số cuối kỳ	3.939.797.320	207.494.596	4.147.291.916

- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2016.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 152.763.595 đồng.

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	40.000.000	40.000.000
Mua trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	40.000.000	40.000.000
Khấu hao		
Số đầu kỳ	40.000.000	40.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	40.000.000	40.000.000
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số cuối kỳ	-	-

- Không có TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2016 .
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 40.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	13.884.100.451	13.884.100.451
Tăng trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	13.884.100.451	13.884.100.451
Khấu hao lũy kế		
Số đầu kỳ	2.083.665.421	2.083.665.421
Khấu hao trong kỳ	271.178.096	271.178.096
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	2.354.843.517	2.354.843.517
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	11.800.435.030	11.800.435.030
Số cuối kỳ	11.529.256.934	11.529.256.934

- Giá trị còn lại của BĐSĐT đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2016 là 9.352.848.386 đồng.
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 425.507.388 đồng.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2016	01/01/2016
Xây dựng cơ bản	498.337.297	323.117.000
- Cải tạo nâng cấp siêu thị sách Hưng Yên	498.337.297	323.117.000
Cộng	498.337.297	323.117.000

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	9.283.444.059	869.068.001
Công ty Cổ phần Sách và TBGD Miền Bắc	4.297.995.232	-
Các đối tượng khác	2.128.585.363	1.090.639.309
Cộng	15.710.024.654	1.959.707.310

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Trường Tiểu học Lam Sơn	30.530.000	-
Công ty TNHH Hồng Đăng	8.085.000	-
Các đối tượng khác	6.660.135	14.729.731
Cộng	45.275.135	14.729.731

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	23.086.503	39.278.231	40.572.050	21.792.684
Thuế thu nhập doanh nghiệp	231.816.740	135.552.135	-	367.368.875
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.618.910	7.618.910	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	103.593.850	4.286.000	99.307.850
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	254.903.243	290.043.126	56.476.960	488.469.409

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Lãi vay phải trả	144.723.067	148.339.422
Cộng	144.723.067	148.339.422

19. Doanh thu chưa thực hiện

a. Ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Doanh thu cho thuê mặt bằng	414.709.091	247.254.545
Cộng	414.709.091	247.254.545

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Doanh thu cho thuê mặt bằng	81.490.910	162.981.819
Cộng	81.490.910	162.981.819

20. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2016	01/01/2016
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	7.868.445	-
Phải trả khác	16.860.000	5.579.110
Cộng	24.728.445	5.579.110

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	6.090.000.000	6.900.000.000	5.820.000.000	7.170.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Hưng Yên	2.600.000.000	-	220.000.000	2.380.000.000
- Vay cá nhân	3.490.000.000	6.900.000.000	5.600.000.000	4.790.000.000
Cộng	6.090.000.000	6.900.000.000	5.820.000.000	7.170.000.000

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2015	15.000.000.000	245.864.900	21.324.550	(116.756.000)	575.911.208	733.500.545	16.459.845.203
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	43.702.545	550.403.873	594.106.418
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	733.500.545	733.500.545
Số dư tại 31/12/2015	15.000.000.000	245.864.900	21.324.550	(116.756.000)	619.613.753	550.403.873	16.320.451.076
Số dư tại 01/01/2016	15.000.000.000	245.864.900	21.324.550	(116.756.000)	619.613.753	550.403.873	16.320.451.076
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	68.871.873	511.529.273	580.401.146
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	103.871.873	103.871.873
Số dư tại 30/06/2016	15.000.000.000	245.864.900	21.324.550	(116.756.000)	688.485.626	958.061.273	16.796.980.349

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	15.000.000.000	15.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	15.000.000.000	15.000.000.000
Cổ tức đã chia	-	-

c. Cổ phiếu

	30/06/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	11.560	11.560
- Cổ phiếu phổ thông	11.560	11.560
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.488.440	1.488.440
- Cổ phiếu phổ thông	1.488.440	1.488.440
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	550.403.873	733.500.545
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	511.529.273	293.106.679
Phân phối lợi nhuận	103.871.873	63.702.545
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	103.871.873	63.702.545
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	68.871.873	43.702.545
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	35.000.000	20.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	958.061.273	962.904.679

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 20/04/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20/04/2016 đã thông qua phương án chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 bằng tiền mặt với tỷ lệ 3% vốn điều lệ (tương ứng 446.532.000 đồng). Công ty đã thông báo chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức ngày 25/07/2016 và dự kiến thực hiện chi trả số cổ tức này trong tháng 8 năm 2016.

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Doanh thu bán hàng hóa	26.238.356.064	17.543.641.140
+ <i>Doanh thu bán sách giáo khoa</i>	13.732.490.329	7.739.233.108
+ <i>Doanh thu bán sách bài tập</i>	7.272.324.653	7.437.917.744
+ <i>Doanh thu bán sách tham khảo, ấn phẩm, thiết bị, khác</i>	5.233.541.082	2.366.490.288
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	836.589.091	704.846.365
- Doanh thu dịch vụ trường THPT Ngô Quyền	656.740.000	645.491.000
Cộng	27.731.685.155	18.893.978.505

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Hàng bán bị trả lại	242.715.048	119.572.586
Chiết khấu thương mại	803.268.100	87.342.584
Giảm giá hàng bán	21.600	-
Cộng	1.046.004.748	206.915.170

25. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Giá vốn hàng hóa đã bán	23.163.136.643	15.912.675.387
+ <i>Sách giáo khoa</i>	12.342.606.616	7.171.503.879
+ <i>Sách bài tập</i>	6.300.273.527	6.835.644.835
+ <i>Sách tham khảo, ấn phẩm, thiết bị, khác</i>	4.520.256.500	1.905.526.673
- Giá vốn dịch vụ cho thuê mặt bằng	271.178.096	155.676.118
- Giá vốn dịch vụ Trường THPT Ngô Quyền	708.763.079	573.165.568
Cộng	24.143.077.818	16.641.517.073

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	185.369.781	36.490.245
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	73.250.394
Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.740.120	-
Cộng	194.109.901	109.740.639

27. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí lãi vay	285.471.679	183.825.067
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	51.811.000	55.563.308
Chi phí tài chính khác	-	6.997.000
Cộng	337.282.679	246.385.375

28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	27.095.000	29.418.500
Chi phí hội nghị	39.366.000	91.608.000
Các khoản khác	32.332.880	12.408.700
Cộng	98.793.880	133.435.200

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí nhân công	560.201.140	516.685.360
Thù lao HĐQT, BKS	31.800.000	48.600.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	72.379.974	48.875.158
Chi phí dịch vụ mua ngoài	281.150.178	103.408.100
Các khoản khác	707.743.966	559.113.230
Cộng	1.653.275.258	1.276.681.848

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	647.081.408	369.209.431
- Lợi nhuận từ HĐKD, DV cho thuê TSCĐ và hoạt động khác	699.104.487	296.883.999
- Lợi nhuận từ HĐ dịch vụ Trường THPT Ngô Quyền	(52.023.079)	72.325.432
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	30.679.265	32.600.000
- Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ + thù lao HĐQT không tham gia điều hành)	30.679.265	32.600.000
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	677.760.673	401.809.431
- Thu nhập từ HĐKD, DV cho thuê TSCĐ và hoạt động khác	729.783.752	329.483.999
- Thu nhập từ HĐ dịch vụ Trường THPT Ngô Quyền	(52.023.079)	72.325.432
Thuế thu nhập doanh nghiệp	135.552.135	79.719.023
- Thuế TNDN từ HĐKD, DV cho thuê TSCĐ và h/động khác	135.552.135	72.486.480
- Thuế TNDN từ HĐ dịch vụ Trường THPT Ngô Quyền	-	7.232.543
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	3.616.271
- Thuế TNDN từ HĐ dịch vụ Trường THPT Ngô Quyền	-	3.616.271
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	135.552.135	76.102.752
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	135.552.135	76.102.752
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

30. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	511.529.273	293.106.679
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	511.529.273	293.106.679
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.488.440	1.488.440
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	344	197

(*)Lãi cơ bản, lãi suy giảm được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi. Kế hoạch Đại hội cổ đông của Công ty không quy định tỷ lệ trích lập các quỹ cụ thể. Hàng năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh đã đạt được cuối năm, Ban điều hành sẽ đề xuất số tiền trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cụ thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	1.792.402
Chi phí nhân công	780.396.360	851.576.810
Chi phí khấu hao tài sản cố định	568.205.396	320.783.623
Chi phí dịch vụ mua ngoài	337.090.179	224.434.600
Chi phí khác bằng tiền	1.046.318.378	734.099.203
Cộng	2.732.010.313	2.132.686.638

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc đánh giá rằng, Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là kinh doanh sách, thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

33. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng chủ yếu từ các Công ty thuộc hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, trong đó mặt hàng chủ yếu là sách giáo khoa và sách tham khảo; do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi tỷ lệ chiết khấu trên giá bia. Chính sách chiết khấu sẽ thay đổi theo thời hạn thanh toán, theo hình thức mua trả tiền mặt hay mua nợ. Để có được tỷ lệ chiết khấu cao, Công ty có chính sách thu hồi công nợ và huy động nguồn vốn vay để tối đa hóa lợi ích từ chiết khấu được hưởng.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các Phòng Giáo dục và các trường học trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Đây là các khách hàng truyền thống, có phát sinh giao dịch thường xuyên, thời hạn thanh toán kịp thời. Do đó, Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro về tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	15.710.024.654	-	15.710.024.654
Chi phí phải trả	144.723.067	-	144.723.067
Vay và nợ thuê tài chính	7.170.000.000	-	7.170.000.000
Phải trả khác	16.860.000	-	16.860.000
Cộng	23.041.607.721	-	23.041.607.721
01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.959.707.310	-	1.959.707.310
Chi phí phải trả	148.339.422	-	148.339.422
Vay và nợ thuê tài chính	6.090.000.000	-	6.090.000.000
Phải trả khác	5.579.110	-	5.579.110
Cộng	8.203.625.842	-	8.203.625.842

Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty hiện đang có rủi ro thanh khoản nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>30/06/2016</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	459.668.595	-	459.668.595
Phải thu khách hàng	16.182.072.326	-	16.182.072.326
Phải thu về cho vay	1.600.000.000	2.756.935.000	4.356.935.000
Phải thu khác	256.188.851	-	256.188.851
Cộng	<u>18.497.929.772</u>	<u>2.756.935.000</u>	<u>21.254.864.772</u>

<u>01/01/2016</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	557.735.717	-	557.735.717
Phải thu khách hàng	5.381.195.618	-	5.381.195.618
Phải thu về cho vay	500.000.000	1.450.000.000	1.950.000.000
Phải thu khác	170.885.359	-	170.885.359
Cộng	<u>6.609.816.694</u>	<u>1.450.000.000</u>	<u>8.059.816.694</u>

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

35. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Hào Phong	Chung Giám đốc công ty

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	<u>Giao dịch</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>	<u>6 tháng đầu năm 2015</u>
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Hào Phong	Cho thuê mặt bằng	120.000.000	120.381.819
	Cho vay	1.600.000.000	-
	Trả tiền lãi vay	1.401.620	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lương Ban Giám đốc	154.733.400	116.955.000
Thù lao Hội đồng quản trị	31.800.000	48.600.000

36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC



Chủ tịch Hội đồng quản trị
Nguyễn Văn Luận

Hưng Yên, ngày 14 tháng 07 năm 2016

Kế toán trưởng

Đinh Thị Bích Dung

Người lập biểu

Đinh Thị Bích Dung

Hưng Yên, ngày 6 tháng 8 năm 2016

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty CP Phát hành Sách & TBTH Hưng Yên
2. Mã chứng khoán: HST
3. Địa chỉ trụ sở chính: 601 Nguyễn Văn Linh, P. An Tảo, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
4. Điện thoại: 0321.3865461. Fax: 0321.3864095
5. Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch HĐQT Nguyễn Văn Luận
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 của CP Phát hành Sách & TBTH Hưng Yên được lập ngày 14 tháng 07 năm 2016 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.

6.2 Nội dung giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ 6 tháng đầu năm 2016 so với số liệu đã công bố Quý 02 năm 2016 như sau:

DVT: đồng

T T	Chi tiêu	Mã số	Báo cáo Quý 02/2016	Báo cáo 6 tháng đầu năm 2016	Chênh lệch	Lý do giải trình
1.	Bảng cân đối kế toán					
	- Thuế và các khoản nộp Nhà nước	313	502.024.622	488.469.409	13.555.213	Tính thuế TNDN 22%
	- Phải trả ngắn hạn khác	319	471.260.445	24.728.445	446.532.000	Chưa chốt DS trả cổ tức nên chưa được phân phối LN
	- LN chưa phân phối kỳ này	421b	497.974.060	958.061.273	-460.087.213	Tính thuế TNDN 22%, chưa phân phối LN trả cổ tức
2.	Báo cáo kết quả kinh doanh					
	- Chi phí thuế TNDNHH	51	149.107.348	135.552.135	13.555.213	Tính thuế TNDN 22%
	- LN sau thuế TNDN	60	497.974.060	511.529.273	-13.555.213	
	- Lãi cơ bản trên CP	70	335	344	-9	
3.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
	- Tiền thu từ bán hàng và CCDV	01	16.980.433.768	16.001.312.740	979.121.028	Tính nhầm doanh thu nhận trước
	- Tiền lãi vay đã trả	04	(293.132.478)	(289.088.034)	-4.044.444	Tính nhầm lãi vay phải trả
	- Tiền chi khác cho hoạt động KD	07	(1.594.314.681)	(619.238.097)	- 975.076.584	Tính nhầm doanh thu nhận trước, lãi vay phải trả

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.sachhungyen.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VP



Nguyễn Văn Luận